TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2017/QĐST-KDTM	*S, ngày 29 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2017/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2017,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: 198 đường Kh, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th; Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nghiêm Xuân Th: Ông Trương Anh T; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số 213/UQ-VCB-PC ngày 12/4/2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần N).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Anh T: Ông Nguyễn Tấn Đ; Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch S, Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số 289/UQ-NHNTGL ngày 15/6/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Gia Lai).

Bị đơn: Ông Vũ Văn T và bà Mai Thị Đ.

Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện S, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Ông Vũ Văn T và bà Mai Thị Đ công nhận ông bà hiện còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2017 là 418.228.000đ (Bốn trăm mười tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó:

- Tiền gốc: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Tiền lãi: 18.228.000đ (Mười tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2.2. Về phương thức và thời hạn trả nợ:

Ông Vũ Văn T và bà Mai Thị Đ cam kết đến ngày 21/10/2017, ông bà sẽ trả nợ toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2017 là 418.228.000đ (Bốn trăm mười tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N (Thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch S).

Trường hợp ông Vũ Văn T và bà Mai Thị Đ vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 19a ,tờ bản đồ số 42 tại tổ dân phố 13, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 592798 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/12/2008 mang tên người sử dụng đất là ông Vũ Văn T, bà Mai Thị Đ mà ông T, bà Đ đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 16/04A/NHNT ngày 14/6/2016 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày 22/8/2017, ông Vũ Văn T và bà Mai Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.3. Về án phí:

Các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn là ông Vũ Văn T, bà Mai Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.346.560đ (Mười triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần N (Thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh Gia Lai, phòng giao dịch S) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.165.747đ (Mười triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001469 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ